***Phụ lục I***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HÀ VINH  **TỔ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ, LỚP 7**

**(Năm học 2025- 2026)**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Số lớp 4; Số học sinh:157; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có): Không

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 08**; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 08; Cao đẳng: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 06; Khá 02; Đạt: 01; Chưa đạt:0

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

**3.1. Thiết bị dạy học môn Lịch Sử:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

**3.1. Thiết bị dạy học môn Địa Lý:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

**II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**1.Phân phối chương trình**

**1.1. Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết PPCT** | **Chủ đề/ Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
|  | **Tây Âu từ thế kỷ V đến nửa đầu thế kỷ XVI.** | | | |
| 1 | 1 -2 -3 | Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu | 3 | **1. Về kiến thức**  - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.  - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.  - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.  **2. Về năng lực**  - Khai thác và sử dụng được những thông tin cơ bản của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Về phẩm chất:** Trân trọng những giá trị văn hoá của thời trung đại: Thiên Chúa giáo, những thành thị Tây Âu, những trường đại học lâu đời... |
| 2 | 4 -5 | Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | 2 | **1. Về kiến thức**  - Sử dụng lược đổ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.  - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.  - Trình bày được sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.  - Xác định được những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu.  **2. Về năng lực**  - Kỹ năng chỉ lược đổ, đọc thông tin trên lược đồ, trình bày trên lược đồ về những nội dung chính của phần hoặc của bài.  - Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  **3. Về phẩm chất**  Khâm phục tấm gương làm việc khoa học, tinh thần quả cảm, hi sinh của các nhà hàng hải thời trung đại, trân trọng những giá trị họ để lại cho thời đại.  ***\*****Tích hợp khung năng lực số:*  *2. Giao tiếp và Hợp tác*  *2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số*  *- Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số với người khác thông qua các công nghệ số phù hợp. Đóng vai trò là người trung gian, hiểu biết và thực hành trích dẫn và ghi chú nguồn.*  *- Hợp tác với các bạn sử dụng công cụ số để tạo infographic hoặc bài trình chiếu đa phương tiện về hậu quả của các cuộc phát kiến địa lí đối với thế giới.*  *- Tham gia thảo luận trực tuyến về vai trò của công nghệ hàng hải (la bàn, hải đồ,...) trong việc hỗ trợ các cuộc thám hiểm này.* |
| 3 | 6 -7 | Phong trào Văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo | 2 | **1. Về kiến thức**  - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế - xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.  - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.  - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.  - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản và tác động của các cuộc Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.  **2. Về năng lực**  - Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng  **3. Về phẩm chất:** khâm phục, ngưỡng mộ sự lao động nghệ thuật và sáng tạo của các nhà văn hoá thời Phục hưng. |
|  | **Trung Quốc và Ấn Độ thời trung đại.** | | | |
| 4 | 8 -9 -10 -11 -12 | Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | 5 | **1. Về kiến thức**  - Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tổng, Nguyên, Minh, Thanh).  - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.  - Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh - Thanh.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, Sử học, kiến trúc,).  **2. Về năng lực**  - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Rèn luyện kĩ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kĩ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.  - Biết lập trục thời gian bảng niên biểu về các triều đại Trung Quốc. - Bước đầu biết vận dụng phương pháp lịch sử để phân tích và hiểu giá trị của các chính sách xã hội của mỗi triều đại cùng những thành tựu văn hoá.  **3. Về phẩm chất:** Giúp HS hiểu được Trung Quốc là một quốc gia phong kiến lớn, điển hình ở phương Đông, đồng thời là một nước láng giềng gần gũi của Việt Nam, có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình phát triển lịch sử Việt Nam |
|  | 13 | **Ôn tập giữa kì** | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học |
|  | 14 | **Kiểm tra giữa kì 1** | 1 | - Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức từ bài 1 đến bài 4  - Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài.  - Xác định được thời gian hình thành, phát triển và suy yếu của xã hội phong kiến châu Âu và Phương Đông  -Trình bày được những đặc trưng về kinh tế, chính trị, xã hội cũng như những thành tựu văn hóa tiêu biểu của chế độ phong kiến  - Phân tích được sự thịnh vượng của các quốc gia phong kiến |
| 5 | 15 -16 -17 -18 | Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | 4 | **1. Về kiến thức:**  - Nêu được nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.  - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gúp-ta, Đêli và Môgôn.  - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỷ IV đến giữa thế kỉ XIX.  **2. Về năng lực:**  - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  - Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.  - Rèn luyện kĩ năng miêu tả tranh ảnh lịch sử, kĩ năng so sánh, đánh giá, hợp tác.  **3. Về phẩm chất**: Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại. Liên hệ được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến Việt Nam. |
|  | **Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI** | | | |
| 6 | 19 -20 | Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á ( từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thê kỉ XVI) | 2 | **1. Về kiến thức:**  - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  **2. Về năng lực:**  - Đọc và chỉ được ra tên các vương quốc phong kiến trên lược đồ.  - Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  **3. Về phẩm chất:** Tự hào về khu vực Đông Nam Á ngày càng kết nối chặt chẽ trong nhiều thế kỷ, tạo nền tảng vững chắc để hoà nhập vào sự phát triển của thế giới hiện nay. |
| **7** | 21 | Vương Quốc Lào | 1 | **1. Về kiến thức:**  - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.  **2. Về năng lực:**  - Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.  - Khai thác và sử dụng được thông tin trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  **3. Về phẩm chất:**  - Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dần tộc ở Đông Nam Á. - Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Lào. |
| 8 | 22 | Vương Quốc  Cam - Pu - Chia | 1 | **1. Về kiến thức**  - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.  - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Cam-pu-chia.  **2. Về năng lực**  - Lập được trục thời gian các sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.  - Khai thác và sử dụng được thông tin trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.  **3. Về phẩm chất**  - Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở Đông Nam Á.  - Trân trọng, giữ gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Cam-pu-chia. |
| CĐ 2 | 23 -24 -27 | Chủ đề chung 2: Đô thị: Lịch sử và hiện tại | 3 | **1. Về kiến thức**  - Phân tích được các điều kiện về địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đai.  - Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại; vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.  **2. Về năng lực**  - Khai thác và sử dụng được một số thông tin của bài học.  - Tìm kiếm và sưu tầm tư liệu.  **3. Phẩm chất**  - Trân trọng những giá trị di sản văn hóa của nhân loại, kế thừa và phát huy trong công cuộc phát triển đất nước. |
|  | 25 | Ôn tập cuối HK 1 | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học |
|  | 26 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1 | - Xác định được thời gian hình thành, phát triển và suy yếu của xã hội phong kiến  -Trình bày được những đặc trưng về kinh tế, chính trị, xã hội cũng như những thành tựu văn hóa tiêu biểu của chế độ phong kiến  - Phân tích được sự thịnh vượng của các quốc gia phong kiến |
|  | **Đất nước dưới thời các vương triều Ngô - Đinh - Tiền Lê (939 - 1009)** | | | |
| 9 | 28 -29 | Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) | 2 | **1. Về kiến thức**  - Nêu được những nét chính về tổ chức chính quyền, đời sống xã hội và văn hóa dưới thời Ngô Quyền.  - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh.  **2. Về năng lực**  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.  - Biết trình bày suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Về phẩm chất**  - Giáo dục ý thức độc lập tự chủ của dân tộc, thống nhất đất nước. |
| 10 | 30 -31 | Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê  (968 - 1009) | 2 | **1. Về kiến thức**  - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Đinh - Tiền Lê.  - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.  - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Đinh - Tiền Lê.  **2. Về năng lực**  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Về phẩm chất**: Giáo dục ý thức độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. |
|  | **Đại Việt thời Lý - Trần - Hồ (1009 - 1407)** | | | |
| 11 | 32 -33 -34 | Nhà Lý xây dựng và phát triển nước  (1009 - 1225) | 3 | **1. Về kiến thức**  - Trình bày được những nét chính về thành lập nhà Lý.  - Đánh giá được ý nghĩa của sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.  - Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Lý.  - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục: Văn miếu - Quốc Tử Giám, mở khoa thi...  **2. Về năng lực**  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề' lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Về phẩm chất**  - Lòng tự hào dân tộc và ý thức chấp hành pháp luật, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc  ***4. Tích hợp GDQP và an ninh:***  ***Bài 11 - mục 4***  *- Nội dung tích hợp: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.* |
| 12 | 35 -36 | Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077) | 2 | **1. Về kiến thức**  - Đánh giá được những nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077).  - Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống.  **2. Về năng lực**  - Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đổ trong khi học và trả lời câu hỏi.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Về phẩm chất**  Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc trước nguy cơ bị xâm lược. |
| 13 | 37 -38 | Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) | 2 | **1. Về kiến thức**  - Mô tả được sự thành lập nhà Trần.  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, tôn giáo thời Trần.  - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá của Đại Việt thời Trần.  **2. Về năng Lực**  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về' một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Về phẩm chất**  - Bồi dưỡng cho HS tinh thần đấu tranh bất khuất chống áp bức bóc lột và tinh thần sáng tạo trong xây dựng đất nước.  - Giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên và ý thức kế thừa truyền thống dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho HS.  **4. Tích hợp: GDQP và an ninh: Bài 13 - mục 4**  - Nội dung tích hợp: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.  *\*Tích hợp khung năng lực số:*  *1. Khai thác dữ liệu và thông tin*  *1.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số*  *- Xác định được nhu cầu thông tin; tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số; truy cập chúng và khai thác được kết quả tìm kiếm. Tạo và cập nhật được chiến lược tìm kiếm.*  *- Sử dụng công cụ tìm kiếm trực tuyến để thu thập tư liệu về các chính sách cải cách của nhà Trần và những thành tựu văn hóa tiêu biểu (như Thăng Long - kinh đô).* |
|  | 39 | Ôn tập giữa KH 2 | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học |
|  | 40 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1 | Ghi nhớ được tên, một số mốc lịch sử chính, sự kiện lịch sử chính, nhân vật lịch sử tiêu biểu của thời Lý  - Ghi nhớ được một số mốc sự kiện, thành tựu quan trọng thời Trần  Giải thích được sự phát triển, ý nghĩa của một số thành tựu tiêu biểu của thời Lý.  -Trình bày được nguyên nhân thắng lợi; ý nghĩa, tác dụng một số nghệ thuật quân sự thời Trần  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của nhà Trần  - Đánh giá được vai trò của các cá nhân lịch sử trong cuộc kháng chiến, nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến |
| 14 | 41 -42 -43 | Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên | 3 | **1. Về kiến thức**  - Lập được sơ đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông  - Nguyên, nhận thức được sầu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân và dân Đại Việt.  - Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, ...  **2. Về năng lực**  - Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ trong khi học và trả lời câu hỏi.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  - Biết phân tích, so sánh, đối chiếu diễn biến giữa ba lần kháng chiến. 3. Về phẩm chất  **3. Về phẩm chất:** Giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc trước nguy cơ bị xâm lược |
| 15 | 44 | Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 - 1407) | 1 | **1. Về kiến thức**  - Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ.  - Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu và tác động của cải cách Hồ Quý Ly đối với xã hội thời nhà Hổ.  - Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hổ và giải thích được nguyên nhân thất bại.  **2.** **Về năng lực**  - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về nước Đại Ngu thời Hồ.  - Vận dụng hiểu biết về nước Đại Ngu thời Hồ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.  **3. Về phẩm chất**  -Tự hào và trân trọng về những giá trị của lịch sử dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước.  - Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy và quảng bá lịch sử văn hoá Việt Nam. |
|  | **Khởi nghĩa Lam Sơn và Đại Việt thời Lê Sơ (1418 - 1527)** | | | |
| 16 | 45 -46 -47 | Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) | 3 | **1. về kiến thức**  - Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, ...  **2. Về năng lực**  - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về khởi nghĩa Lam Sơn.  - Vận dụng hiểu biết về khởi nghĩa Lam Sơn để thuyết trình về chiến lược chiến tranh nhân dân trong lịch sử dân tộc  **3. Về phẩm chất**  - Tự hào và trân trọng về truyền thống đánh giặc cứu nước để bảo vệ nền độc lập dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước.  - Có trách nhiệm gìn giữ và phát huy truyền thống lịch sử văn hoá tốt đẹp của dần tộc. |
| 17 | 48 -49 | Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) | 2 | **1. Về kiến thức**  - Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.  - Nhận biết được tình hình kinh tế - xã hội thời Lê sơ.  - Giới thiệu được sự phát triển văn hoá và giáo dục và một số danh nhân tiêu biểu thời Lê sơ.  **2. Về năng Lực**  - Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Vương triều Lê sơ.  - Vận dụng hiểu biết về những thành tựu của Vương triều Lê sơ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam.  **3. Về phẩm chất**  - Tự hào và trân trọng về những giá trị lịch sử văn hoá của dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước.  - Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy và quảng bá lịch sử văn hoá Việt Nam. |
|  | 50 | Ôn tập cuối HK 2 | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học |
|  | 51 | Kiểm tra cuối HK 2 | 1 | - Ghi nhớ được tên, một số mốc lịch sử chính, sự kiện lịch sử chính, nhân vật lịch sử tiêu biểu của thời Lý- Trần- Hồ- Lê  - Giải thích được sự phát triển, ý nghĩa của một số thành tựu tiêu biểu  - Trình bày được nguyên nhân thắng lợi; ý nghĩa, tác dụng một số nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta  - Đánh giá được vai trò của các cá nhân lịch sử trong cuộc kháng chiến, nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến |
|  | **Vùng đất phía nam Việt Nam từ đầu thế kỷ X đến đầu thế kỷ XVI (2 tiết)** | | | |
| 18 | 52 -53 | Vương quốc Chăm pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | 2 | **1. Về kiến thức**  - Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.  - Trình bày được những nét chính về kinh tế, văn hoá của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.  **2. Về năng lực**  - Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.  - Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.  **3. Về phẩm chất**  Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa, của cư dân sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI để lại. |

* 1. **Phân môn Địa Lý:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết PPCT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| **1** | **1,2,3,4,5,6** | **Châu Âu**  - Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  - Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | **6** | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga); các đới thiên nhiên.  - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.  - Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu  - Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.  *\*Tích hợp khung năng lực số:*  *2. Giao tiếp và Hợp tác*  *2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số*  *- Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số với người khác thông qua các công nghệ số phù hợp. Đóng vai trò là người trung gian, hiểu biết và thực hành trích dẫn và ghi chú nguồn.*  *- Hợp tác với các bạn sử dụng công cụ số để tạo bản đồ tư duy (mind map) hoặc infographic về đặc điểm khí hậu và thực vật, sau đó chia sẻ và thuyết trình.* |
| **2** | **7,8,9,10**  **11,12** | **Châu Á**  - Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội  - Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  - Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | **6** | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á  ***\* Tích hợp GDQP và an ninh:***  *Xác định được vị trí của Việt Nam trên bản đồ châu Á, để từ đó có ý thức, trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trên đất liền và trên biển. (Thực hiện ở* ***Mục 1: Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước)***  *-* Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.  ***\* Tích hợp Tích hợp GDQP và an ninh:***  *- Xác định được vị trí tiếp giáp của Việt Nam trên bản đồ khu vực Đông Nam Á trên đất liền và trên biển. Có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biên giới trên đất liền và trên biển(Thực hiện ở* ***Mục 1: Bản đồ chính trị châu Á)***  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á  - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (Ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore).  *\*Tích hợp khung năng lực số:*  *1. Khai thác dữ liệu và thông tin*  *1.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số*  *- Xác định được nhu cầu thông tin; tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số; truy cập chúng và khai thác được kết quả tìm kiếm.*  *- Tìm kiếm và khai thác các nguồn tư liệu trực tuyến (thống kê, bài báo, infographic) để so sánh các chỉ số kinh tế, xã hội của các quốc gia trong khu vực.*  *- Tham gia các diễn đàn hoặc nhóm học tập trực tuyến để thảo luận về các vấn đề chính trị, xã hội hiện đại ở châu Á.* |
| **3** | **13** | Ôn tập giữa kì I | **1** | Hệ thống lại kiến thức đã học |
| **4** | **14** | Kiêm tra giữa kì I | **1** | - Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Âu và châu Á. Vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu), giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, dân cư, xã hội; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên, dân cư, xã hội. |
| **5** | **15,16,17**  **18,19,20**  **21** | **Châu Phi**  - Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi  - Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  - Khái quát về Cộng hoà Nam Phi | **7** | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi  - Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi; một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên (Ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác, ...).  - Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (Ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự, ...).  - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau  - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. |
| **6** | **22,23,24,**  **25** | **Các cuộc đại phát kiến địa lí**  - Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí.  - Một số cuộc đại phát kiến địa lí.  - Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. | **4** | - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.  - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 - 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 -1522).  - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. |
| **7** | **26** | Ôn tập cuối kì 1 | **1** | Hệ thống lại kiến thức đã học |
| **8** | **27** | Kiểm tra cuối kì 1 | **1** | - Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Âu, châu Á và Châu Phi.  - Vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.  - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.  - Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.  - Liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học;  - Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên |
| **9** | **28,29,30,**  **31**  **32,33,34,**  **35** | **Châu Mỹ**  - Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ  - Phát kiến ra châu Mỹ  - Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ)  - Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ. | **8** | - Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.  - Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502).  ***Bắc Mỹ:***  - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên.  - Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá.  - Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững.  - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng.  ***Trung và Nam Mỹ:***  - Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông - Tây, theo chiều Bắc - Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon.  - Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.  - Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon. |
| **10** | **36,37,38,**  **41,42,43,**  **44** | **Châu Đại Dương**  - Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương  - Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia  - Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | **7** | - Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia  - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia  - Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia  - Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia |
| **11** | **39** | Ôn tập giữa kì 2 | **1** | Hệ thống lại kiến thức đã học |
| **12** | **40** | Kiểm tra giữa kì 2 | **1** | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Mỹ và châu Đại Dương.  - Trình bày phương thức khai thác tự nhiên và bền vững ở Bắc Mĩ |
| **13** | **45,46,47,**  **48**  **49,52** | **Châu Nam Cực**  - Vị trí địa lí của châu Nam Cực  - Lịch sử phát kiến châu Nam Cực  - Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực | **6** | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.  - Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.  - Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực  - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu |
| **14** | **50** | Ôn tập cuối kì 2 | **1** | - Hệ thống hóa kiến thức các chương đã học trước tiết ôn tập |
| **15** | **51** | Kiểm tra cuối kì 2 | **1** | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Mỹ, Châu Đại Dương và châu Nam Cực.  - Trình bày được phương thức khai thác tự nhiên và bền vững ở Bắc Mĩ |
| **Tổng** | | | **52** |  |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**2.1. Phân môn lịch sử.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| **Giữa kỳ 1** | 45 phút | Tuần 9 | - Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức từ bài 1 đến bài 4  - Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài.  - Xác định được thời gian hình thành, phát triển và suy yếu của xã hội phong kiến châu Âu và Phương Đông  -Trình bày được những đặc trưng về kinh tế, chính trị, xã hội cũng như những thành tựu văn hóa tiêu biểu của chế độ phong kiến  - Phân tích được sự thịnh vượng của các quốc gia phong kiến | Viết trên giấy |
| **Cuối kỳ 1** | 45 phút | Tuần 17 | - Xác định được thời gian hình thành, phát triển và suy yếu của xã hội phong kiến  -Trình bày được những đặc trưng về kinh tế, chính trị, xã hội cũng như những thành tựu văn hóa tiêu biểu của chế độ phong kiến  - Phân tích được sự thịnh vượng của các quốc gia phong kiến | Viết trên giấy |
| **Giữa kỳ 2** | 45 phút | Tuần 26 | Ghi nhớ được tên, một số mốc lịch sử chính, sự kiện lịch sử chính, nhân vật lịch sử tiêu biểu của thời Lý  - Ghi nhớ được một số mốc sự kiện, thành tựu quan trọng thời Trần  Giải thích được sự phát triển, ý nghĩa của một số thành tựu tiêu biểu của thời Lý.  -Trình bày được nguyên nhân thắng lợi; ý nghĩa, tác dụng một số nghệ thuật quân sự thời Trần  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của nhà Trần  - Đánh giá được vai trò của các cá nhân lịch sử trong cuộc kháng chiến, nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến | Viết trên giấy |
| **Cuối kỳ 2** | 45 phút | Tuần 34 | - Ghi nhớ được tên, một số mốc lịch sử chính, sự kiện lịch sử chính, nhân vật lịch sử tiêu biểu của thời Lý- Trần- Hồ- Lê  - Giải thích được sự phát triển, ý nghĩa của một số thành tựu tiêu biểu  - Trình bày được nguyên nhân thắng lợi; ý nghĩa, tác dụng một số nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta  - Đánh giá được vai trò của các cá nhân lịch sử trong cuộc kháng chiến, nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến | Viết trên giấy |

**2.1. Phân môn Địa lí.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| **Giữa kỳ 1** | 45 phút | Tuần 9 | - Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Âu và châu Á. Vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu), giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, dân cư, xã hội; phân tích mối quan hệ tác động qua lại giữa các đối tượng tự nhiên, dân cư, xã hội. |  |
| **Cuối kỳ 1** | 45 phút | Tuần 17 | - Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Âu, châu Á và Châu Phi.  - Vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.  - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.  - Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.  - Liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; - Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên | Viết trên giấy |
| **Giữa kỳ 2** | 45 phút | Tuần 26 | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Mỹ và châu Đại Dương.  - Trình bày phương thức khai thác tự nhiên và bền vững ở Bắc Mĩ | Viết trên giấy |
| **Cuối kỳ 2** | 45 phút | Tuần 34 | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội châu Mỹ, Châu Đại Dương và châu Nam Cực.  - Trình bày được phương thức khai thác tự nhiên và bền vững ở Bắc Mĩ | Viết trên giấy |

***Phụ lục II***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HÀ VINH  **TỔ XÃ HỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ, KHỐI LỚP 7**

**1.Phân môn: Lịch Sử**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**1.Phân môn: Địa Lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Phụ lục III***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HÀ VINH  **TỔ XÃ HỘI**  **Họ và tên giáo viên: Lê Thị Lan Hương**  **Phạm Thị Hương**  **Lê Thị Hảo** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 7 (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)**

**(Năm học 2025 - 2026)**

**1. Phân môn Lịch Sử:**

Cả năm: 35 tuần x 3 tiết = 53 tiết

**Học kì I:** 18 tuần = 27 tiết

**Học kì II:** 17 tuần = 26 tiết

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết**  **PPCT** | **Chủ đề/Bài dạy** | **Số tiết** | **Thời điểm**  **(Tuần)** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
|  | | **HỌC KÌ I: 27 tiết** | | | | |
|  | | **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | | | |
| **1** | **1** | Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (Tiết 1) | **3** | **1** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **2** | **2** | Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (Tiết 2) | **1** | Lớp học |
| **3** | **3** | Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (Tiết 3) | **2** | Lớp học |
| **4** | **4** | Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất TBCN ở Tây Âu (Tiết 1).  *Tích hợp khung năng lực số mục 2.2* | **2** | **3** | Lược đồ thể hiện một số cuộc phát kiến địa lí thế kỷ XV, XVI | Lớp học |
| **5** | **5** | Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất TBCN ở Tây Âu (Tiết 2) | **3** | Lớp học |
| **6** | **6** | Phong trào Văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo (Tiết 1) | **2** | **4** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **7** | **7** | Phong trào Văn hoá Phục hưng và cải cách tôn giáo (Tiết 2) | **5** | Lớp học |
|  | | **TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI** | | | | |
| **8** | **8** | Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 1) | **5** | **5** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **9** | **9** | Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 2) | **6** | Lớp học |
| **10** | **10** | Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 3) | **7** | Lớp học |
| **11** | **11** | Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 4) | **7** | Lớp học |
| **12** | **12** | Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 5) | **8** | Lớp học |
| **13** | 13 | Ôn tập | **1** | **9** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **14** | **14** | Kiểm tra giữa kì 1 | **1** | **9** | **Đề và đáp án** | **Lớp học** |
| **15** | **15** | Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 1) | **4** | **10** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **16** | **16** | Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 2) | **11** | Lớp học |
| **17** | **17** | Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 3) | **11** | Lớp học |
| **18** | **18** | Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX (Tiết 4) | **12** | Lớp học |
|  | | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | | | |
| **19** | **19** | Các Vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI (Tiết 1) | **2** | **13** | Lược đồ Đông Nam Á và quốc gia ở ĐNA | Lớp học |
| **20** | **20** | Các Vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI (Tiết 2) | **13** | Lớp học |
| **21** | **21** | Vương quốc Lào | **1** | **14** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **22** | **22** | Vương quốc Campuchia | **1** | **15** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **23** | **23** | Chủ đề chung: Đô thị -lịch sử và hiện tại. | **2** | **15** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **24** | **24** | Chủ đề chung: Đô thị -lịch sử và hiện tại. | **16** | Lớp học |
| **25** | **25** | Ôn tập | **1** | **17** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **26** | **26** | Kiểm tra cuối kì I | **1** | **17** | **Đề và đáp án** | **Lớp học** |
| **27** | **27** | Chủ đề chung: Đô thị - lịch sử và hiện tại (Tiếp theo). | **1** | **18** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
|  | **HỌC KÌ II: 26 tiết** | | | | | |
| **STT** | **Tiết PPCT** | **Chủ đề/Bài dạy** | **Số tiết** | **Thời điểm**  **(Tuần)** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
|  | **ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VƯƠNG TRIỀU NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ**  **(939 – 1009)** | | | | | |
| **1** | **28** | Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) (Tiết 1) | **2** | **19** | Tranh đền thờ Ngô Quyền | Lớp học |
| **2** | **29** | Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) (Tiết 2) | **19** | Lớp học |
| **3** | **30** | Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009) (Tiết 1) | **2** | **20** | Tranh đền thờ ĐBL | Lớp học |
| **4** | **31** | Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009) (Tiết 2) | **21** | Lớp học |
|  | **ĐẠI VIỆT THỜI LÝ - TRẦN - HỒ (1009 - 1407)** | | | | | |
| **5** | **32** | Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (Tiết 1) | **3** | **21** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **6** | **33** | Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (Tiết 2) | **22** | Lớp học |
| **7** | **34** | Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (Tiết 3)  *Tích hợp GDQP và an ninh* | **23** | Lớp học |
| **8** | **35** | Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077) (Tiết 1) | **2** | **23** | LĐ cuộc k.c chống Tống năm 1075-1077 | Lớp học |
| **9** | **36** | Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077) (Tiết 2) | **24** | Lớp học |
| **10** | **37** | Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) (Tiết 1)  *Tích hợp khung năng lực số mục 1.1* | **2** | **25** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **11** | **38** | Ôn tập | **1** | **25** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **12** | **39** | Kiểm tra giữa kì II | **1** | **26** | Đề và đáp án | Lớp học |
| **13** | **40** | Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) (Tiết 2)  *Tích hợp GDQP và an ninh.* |  | **27** |  | Lớp học |
| **14** | **41** | Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên (Tiết 1) | **3** | **27** | Lược đồ k/c chống quân xâm lược Mông Cổ(1258); chống quân Nguyên lần 2,3 | Lớp học |
| **15** | **42** | Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông -Nguyên (Tiết 2) | **28** | Lớp học |
| **16** | **43** | Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên (Tiết 3) | **29** | Lớp học |
| **17** | **44** | Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 -1407) | **1** | **29** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
|  | **KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 - 1527)** | | | | | |
| **18** | **45** | Khởi nghĩa Lam Sơn (Tiết 1) | **3** | **30** | Lđ Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) | Lớp học |
| **19** | **46** | Khởi nghĩa Lam Sơn (Tiết 2) | **31** | Lớp học |
| **20** | **47** | Khởi nghĩa Lam Sơn (Tiết 3) | **31** | Lớp học |
| **21** | **48** | Đại Việt thời Lê Sơ (Tiết 1) | **2** | **32** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **22** | **49** | Đại Việt thời Lê Sơ (Tiết 2) | **33** | Lớp học |
| **23** | **50** | Ôn tập cuối học kì 2 | **1** | **33** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| 24 | 51 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | 34 | Đề và đáp án | Lớp học |
|  | **VÙNG ĐẤT PHÍA NAM VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | | | | |
| **25** | **52** | Vương quốc Chăm pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu TK XVI (Tiết 1) | **2** | **35** | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |
| **26** | **53** | Vương quốc Chăm pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu TK XVI (Tiết 2) | **35** | Lớp học |

**1. Phân môn Địa Lý:**

**Cả năm:** 35 tuần x 1,5 tiết/ tuần= 52 tiết

**Học kì I:** 18 tuần x 1,5 tiết/ tuần = 27 tiết

**Học kì II:** 17 tuần x 1,5 tiết/ tuần = 25 tiết

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết**  **PPCT** | **Chủ đề/ Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm**  **(Tuần)** | **Thiết bị dạy học** | **Điạ điểm dạy học** | **Ghi chú** |
| **HỌC KỲ 1 : (18 tuần = 27 tiết)** | | | | | | | |
| **CHÂU ÂU (6 tiết*)*** | | | | | | | |
| 1 | 1 | Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  *Tích hợp khung năng lực số mục 2.2* | 1 | 1 | - Bản đồ tự nhiên châu Âu. Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 2 | 2,3 | Đặc điểm tự nhiên | 2 | 2 | - Bản đồ tự nhiên châu Âu. Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 3 | 4 | Đặc điểm dân cư, xã hội | 1 | 3 | - Bản đồ tỉ lệ dân đô thị và một số đô thị ở châu Âu, năm 2020. Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 4 | 5 | Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | 1 | 4 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 5 | 6 | Khái quát về Liên minh châu Âu | 1 | 4 | Bản đồ liên Minh EU. Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **CHÂU Á (6 tiết )** | | | | | | | |
| 6 | 7 | Vị trí địa lí, phạm vi châu Á.  *Tích hợp Giáo dục quốc phòng và an ninh* | 1 | 5 | Bản đồ tự nhiên châu Á. Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 7 | 8 | Đặc điểm tự nhiên | 1 | 6 | Bản đồ tự nhiên châu Á, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 8 | 9 | Đặc điểm dân cư, xã hội | 1 | 6 | Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn ở châu Á, năm 2020. Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 9 | 10,11 | Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  T*ích hợp Giáo dục quốc phòng và an ninh*  *Tích hợp khung năng lực số mục 1.1* | 2 | 7,8 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 10 | 13 | Ôn tập giữa kì 1 | 1 | 8 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **11** | **14** | **Kiêm tra giữa kì 1** | **1** | **9** | **Đề, đáp án** | **Lớp học** |  |
| 12 | 15 | Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | 1 | 10 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **CHÂU PHI (7 tiết)** | | | | | | | |
| 13 | 15 | Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi | 1 | 10 | Bản đồ tự nhiên châu Phi, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 14 | 16,17 | Đặc điểm tự nhiên | 2 | 11,12 | Bản đồ tự nhiên châu Phi, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 15 | 18 | Đặc điểm dân cư, xã hội | 1 | 12 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 16 | 19,20 | Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | 2 | 13,14 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 17 | 21 | Khái quát về Cộng hoà Nam Phi | 1 | 14 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
|  |  | **CHỦ ĐỀ CHUNG: CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ (4 tiết)** | | | | | |
| 18 | 22 | Nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc phát kiến địa lý | 1 | 15 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 19 | 23 | Mô tả được các cuộc phát kiến địa lý (Tiết 1) | 1 | 16 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 20 | 24 | Ôn tập cuối kì 1 | 1 | 16 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **21** | **25** | **Kiểm tra cuối kì 1** | **1** | **17** | **Đề và đáp án** | **Lớp học** |  |
| 22 | 26 | Mô tả được các cuộc phát kiến địa lý (Tiết 2) | 1 | 18 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 23 | 27 | Phân tích được tác động của các cuộc phát kiến địa lý | 1 | 18 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
|  |  | **HỌC KỲ 2 (17 tuần = 25 tiết)** | | | | | |
|  |  | **CHÂU MỸ (8 tiết)** | | | | | |
| 24 | 28 | Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ | 1 | 19 | Bản đồ tự nhiên châu Mĩ, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 25 | 29 | Phát kiến ra châu Mỹ | 1 | 20 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 26 | 30,31,  32,33 | Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội của các khu vực châu Mỹ (Bắc Mỹ, Trung và Nam Mỹ) | 4 | 20,21,22,  22 | Bản đồ tự nhiên châu Mĩ, USD rừng Amazon; Thảm thực vật ở dãy an đét; Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 27 | 34,35 | Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ | 2 | 23,24 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **CHÂU ĐẠI DƯƠNG (7 tiết)** | | | | | | | |
| 28 | 36 | Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương | 1 | 24 | Bản đồ tự nhiên và bản đồ các nước châu Đại Dương, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 29 | 37 | Ôn tâp | 1 | 25 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **30** | **38** | **Kiểm tra giữa kì II** | **1** | **26** | **Đề và đáp án** | **Lớp học** |  |
| 31 | 39,40 | Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia | 2 | 26,27 | Bản đồ tự nhiên và bản đồ các nước châu Đại Dương ; Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **CHÂU ĐẠI DƯƠNG ( tiếp theo )** | | | | | | | |
| 32 | 41,42 | Một số đặc điểm dân cư, xã hội | 2 | 28 | - Lược đồ một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a năm 2020; Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 33 | 43,44 | Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | 2 | 29,30 | - Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **CHÂU NAM CỰC (6 tiết)** | | | | | | | |
| 34 | 45 | Vị trí địa lí của châu Nam Cực | 1 | 30 | -Bản đồ tự nhiên châu Nam Cực; Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 35 | 46 | Lịch sử phát kiến châu Nam Cực | 1 | 31 | Máy tính; máy chiếu | Lớp học |  |
| 36 | 47,48,  49 | Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực | 3 | 32,32,33 | Bản đồ tự nhiên châu Nam Cực; Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 37 | 50 | Ôn tập cuối học kì 2 | 1 | 34 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **38** | **51** | **Kiểm tra cuối học kì 2** | **1** | **34** | **Đề, đáp án** | **Lớp học** |  |
| 39 | 52 | Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực (Tiết 2 ) | 1 | 35 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |

*Bỉm Sơn, ngày 15 tháng 8 năm 2025*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| KT. HIỆU TRƯỞNG  PHÓ HIỆU TRƯỞNG  **Nguyễn Thị Mai Dung** | TỔ TRƯỞNG  **Tống Thị Dung** | GIÁO VIÊN |
| **Lê Thị Lan Hương**  **Phạm Thị Hương**  **Lê Thị Hảo** |